TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-ST
Ngày: 15 - 4 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Công Thuấn.

Ông Dương Hồng Hải.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Huỳnh Văn N, sinh năm 1996 tại huyện C. Nơi cư trú: ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H (sống) và bà Hồ Thị L (sống); tiền án: không; tiền sự: 01, ngày 02/7/2020 bị Công an thị trấn C xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (đến nay vẫn chưa chấp hành quyết định); vợ và con: có vợ và 01 con (sinh năm 2020); bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/9/2020, sau đó bị bắt tạm giam từ ngày 05/3/2021 cho đến nay "có mặt".

- *Bị hại:*

Bà Hồ Thị L, sinh năm 1965; cư trú tại: ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "có mặt".

Ông Huỳnh Văn H (tên gọi khác: Sáu I), sinh năm 1963; cư trú tại: ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "vắng mặt".

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại ông Huỳnh Văn H: bà Hồ Thị L, sinh năm 1965; cư trú tại: ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 03/9/2020) "có mặt".

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Võ Đồng K, sinh năm 1973; cư trú tại: ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "có mặt".

Anh Nguyễn Tuấn E, sinh năm 1988; cư trú tại: ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "vắng mặt".

Anh Chế Văn T, sinh năm 1978; cư trú tại: ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "vắng mặt".

Anh Lê Văn V, sinh năm 1970; cư trú tại: ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt".

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; cư trú tại: ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "vắng mặt".

Chị Võ Thị P, sinh năm 1983; cư trú tại: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "vắng mặt".

Ông Lê Thanh H1, sinh năm 1960; cư trú tại: ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "vắng mặt".

- *Người làm chứng:*

Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1988; cư trú tại: ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "có mặt".

Anh Lê Văn T1, sinh năm 1991; cư trú tại: ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "có mặt".

Anh Phạm Ngọc T2, sinh năm 1980; cư trú tại: ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "vắng mặt".

Anh Chế Thanh T3, sinh năm 1995; cư trú tại: ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "vắng mặt".

Anh Nguyễn Thanh N1, sinh năm 1997; cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "vắng mặt".

Anh Trần Văn C, sinh năm 1981; cư trú tại : ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "vắng mặt".

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 2000; cư trú tại: ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Huỳnh Văn N biết rõ tài sản của cha, mẹ bị cáo là bà Hồ Thị L và

ông Huỳnh Văn H (Sáu I) để trong chòi tôm nên Huỳnh Văn N nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Vào khoảng tháng 6 đến đầu tháng 7 năm 2020, Huỳnh Văn N đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà L và ông H tất cả là 11 lần, cụ thể như sau:

- Lần thứ 1: khoảng 11 giờ ngày 01/6/2020 bị cáo N đến quán cà phê của ông Lê Thanh H1 và gặp Nguyễn Tuấn E (H1 và Tuấn E đều có địa chỉ ấp C, thị trấn C). Khi gặp Tuấn E, N kêu bán một cái Motor điện dùng để chạy quạt tạo ô xy ao nuôi tôm, Tuấn E đồng ý mua, nên N chạy xe Wave, biển số 83H5 - 3148 đến chòi trông giữ ao tôm của bà L, N vào chòi lấy 01 cái Motor điện 01 pha, công suất 3HP để lên xe chở đến quán cà phê của ông H1 bán cho Tuấn E với giá 400.000 (bốn trăm ngàn) đồng.

Lần thứ 2: khoảng 11 giờ ngày hôm sau (ngày 02/6/2020) bị cáo N tiếp tục điều khiển xe Wave từ nhà của ông H, bà L đến chòi giữ ao nuôi tôm của bà L, khi đến chòi tôm thì bị cáo vào bên trong chòi dùng 02 cây cờ lê số 17, N mở bulon lấy 01 cái Motor điện ra khỏi khung mắc giữa Motor và giảm tốc, đồng thời lấy thêm 02 cái Motor điện đã mở sẵn để trong chòi, tất cả đều là Motor 01 pha 03HP. Sau khi mở lấy Motor xong N bỏ 03 cái Motor vào trong 02 cái bao dùng chứa thức ăn tôm, để trên bara giữa xe 01 bao, 02 cái Motor và phía sau 01 bao, 01 Motor, N chở đến bán cho ông Lê Thanh H1, mỗi giá cái 500.000 đồng, ba cái bán được 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng;

Lần thứ 3: khoảng 12 giờ ngày 03/6/2020, bị cáo điều khiển xe Wave, từ nhà ông H, bà L đến chòi giữ ao nuôi tôm bà L, khi đến chòi N lấy 01 cái Motor đã mở sẵn trong chòi, N bỏ Motor vào cái bao dùng đựng thức ăn tôm, sau đó mang lên xe và chở đến bán tiếp cho ông Lê Thanh H1, với giá 400.000 (bốn trăm ngàn) đồng;

Lần thứ 4: khoảng 13 giờ 30 phút ngày 09/6/2020, bị cáo từ chợ Bến B (thuộc ấp C, thị trấn C) điều khiển xe Wave theo đường lộ đal đến chòi tôm của bà L, N vào bên trong chòi dùng 02 cây cờ lê số 17 mở lấy 02 cái giảm tốc số ra khỏi khung bỏ vào cùng 01 cái bao đựng thức ăn tôm có sẵn trong chòi, N để lên xe chở đến tiệm sửa chữa, mua bán máy nổ của ông Phạm Ngọc T2, địa chỉ ấp C, thị trấn C, N bán cho ông T2 02 (hai) cái giảm tốc số, giá mỗi cái 500.000 đồng, tổng cộng là 1.000.000 (một triệu) đồng;

- Lần thứ 5: khoảng 15 giờ ngày 12/6/2020 Huỳnh Văn N điều khiển xe Wave từ chợ Bến B chạy ra lộ lớn vào đường đal 3/2 và chạy theo đường lộ đal đến chòi tôm của bà L, N vào bên trong chòi và dùng 01 cây cờ lê số 17 mà N đã mở lần trước, N mở lấy 02 cái giảm tốc số ra khỏi khung bỏ vào 01 cái bao đựng thức ăn để lên xe chở đến bán cho ông Phạm Ngọc T2, mỗi cái giá 500.000 đồng, tổng cộng là 1.000.000 (một triệu) đồng;

- Lần thứ 6: khoảng 10 đến 11 giờ ngày 15/6/2020 N chạy xe Wave từ xã A về đến rạch Sung thuộc ấp A, xã A, huyện C thì N gặp Nguyễn Thanh N1, sinh năm 1997, nơi cư trú: ấp A, xã A, lúc đó N gọi N1 đi phụ khiêng đồ cho N, nhưng không nói khiêng đồ vật gì, N1 đồng ý thì N chở N1 đến chòi ao tôm của bà L, N lấy 02 cây cờ lê số 17 mở lấy 01 cái Dinamo phát điện, công suất 05KV,

do Trung Quốc sản xuất (cái Dinamo này được mắc vào cùng cái khung với máy chạy dầu Diesel, loại máy D9). Mở lấy Dinamo xong N dùng cái bao thức ăn có sẵn trong chòi quấn xung quanh Dinamo lại, N và N1 khiêng Dinamo để lên yên xe và N1 ngồi sau ôm, N chở đến điểm thu mua phế liệu của chị Võ Thị P, sinh năm 1983, nơi cư trú: ấp T, xã A, huyện C bán cho chị Pha với giá 1.000.000 (một triệu) đồng. Sau khi bán Dinamo xong N chở N1 quay về đến ấp A, xã A, huyện C và cho N1 200.000 (hai trăm ngàn) đồng;

- Lần thứ 7: khoảng 09 đến 10 giờ ngày 17/6/2020 Huỳnh Văn N đến nhà của Lê Văn T1, sinh năm 1991, nơi cư trú: ấp C, thị trấn C (T1 hành nghề chạy xe chở đồ mướn ở chợ Bến B). Khi đến nhà gặp T1 thì N kêu T1 chở cái máy dầu Diesel đến tiệm sửa máy nổ của ông Phạm Ngọc T2, T1 đồng ý. N hẹn với T1 hôm sau đến chở máy. Khoảng 17 giờ ngày 18/6/2020 N chạy xe Wave đến nhà T1 và dẫn đường cho T1 chạy xe theo N đến ao tôm của bà L là khoảng 17 giờ 20 phút. Một mình N dùng cờ lê số 17 mở 04 con bulon lấy 01 (một) cái máy chạy dầu Diesel, nhãn hiệu Misumisi 85, mở máy xong thì N kêu T1 phụ khiêng máy lên xe T1 đậu trước cửa chòi, N chạy xe riêng và T1 chở máy dầu đến tiệm sửa chữa máy nổ, bán cho ông T2 với giá 2.400.000 (hai triệu bốn trăm ngàn) đồng, ông T2 trả cho N 2.400.000 (hai triệu bốn trăm ngàn) đồng và N trả tiền xe cho T1 200.000 (hai trăm ngàn) đồng;

- Lần thứ 8: khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/6/2020 N điện thoại cho T1 kêu chiều đến chòi tôm chở máy, đến khoảng 17 giờ thì T1 điện thoại cho N và kêu N đến ao tôm trước T1 đến sau. Sau khi nghe điện thoại của T1 xong thì N chạy xe ra ao tôm và dùng cờ lê số 17 mở 03 con bulon mắc vào khung giữa máy phát điện hiệu D9 vào Dinamo mà N đã tháo và bán cho điểm thu mua phế liệu của chị Võ Thị P (lần thứ 6) ở xã A. Khoảng 10 phút sau thì T1 chạy xe đến chòi tôm, N lấy cái bao đựng thức ăn tôm đậy máy lại và cùng T1 khiêng máy D9 lên xe của T1. Lúc đó T1 thấy và hỏi N để mua 10 (mười) bộ khung phao mắc dàn quạt, N đồng ý bán và bỏ 10 bộ khung quạt vào 02 cái bao. N chở 02 bao đựng khung phao quạt và N kêu T1 chở máy đến điểm thu mua phế liệu của Chế Văn T, sinh năm 1978, nơi cư trú ấp P, thị trấn C bán cho anh T, với giá 500.000 (năm trăm ngàn) đồng. Bán máy xong N trả tiền xe cho T1 100.000 (một trăm ngàn) đồng. Bán máy dầu xong N tiếp tục chở 10 (mười) bộ khung quạt đến cầu kinh Đình Trụ giao cho T1 và N lấy 1.000.000 (một triệu) đồng.

- Lần thứ 9: khoảng 17 giờ ngày 26/6/2020 N điện thoại cho Lê Văn T1 kêu đến ao tôm chở đồ, điện thoại xong N chạy xe đến ao tôm, N vào chòi lấy một cái máy chạy dầu Diesel, nhãn hiệu Misumisi 85 đã mở sẵn để trong chòi. Khoảng 10 phút thì T1 chạy xe đến, N và T1 khiêng cái máy lên xe của T1 đậu trước cửa chòi, N kêu T1 chạy xe đến tiệm sửa chữa máy nổ của ông Phạm Ngọc T2, N chạy xe đi trước đến tiệm ông T2. Khi T1 chở máy đến thì N bán cho ông T2 với giá 2.400.000 đồng, ông T2 đồng ý mua và trả tiền cho bị cáo N 2.400.000 (hai triệu bốn trăm ngàn) đồng và N trả tiền xe cho T1 200.000 (hai trăm ngàn) đồng;

- Lần thứ 10: khoảng ngày 24/6/2020 Lê Văn T1 điện thoại hỏi N để mua cái Dinamo phát điện, loại 01 pha, công suất 15KW, do Trung Quốc sản xuất, N đồng ý bán giá 3.000.000 đồng, Lê Văn T1 điện thoại trao đổi với ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960, nơi cư trú ấp C, thị trấn C (T1 kêu H bằng ông bác) rồi cho N hay sau. Đến ngày 26/6/2020 T1 điện thoại cho N hay và nói đồng ý mua với giá 3.000.000 đồng. Qua ngày 27/6/2020 N đến khu vực gần cầu Bến B qua xã A gặp Chế Thanh T3, sinh năm 1995, nơi cư trú ấp C, thị trấn C, T3 là bạn của N, N nhờ T3 đi khiêng phụ cái Dinamo thì T3 đồng ý mà không hỏi khiêng Dinamo với mục đích làm gì. Khoảng 10 giờ thì N điện thoại cho T1 kêu lên chở Dinamo. N và T3 đến ao tôm của bà L. Sau khi đến ao thì N dùng cờ lê mở bulon lấy cái Dinamo mắc vào khung với cái máy chạy dầu Diesel D28, còn T3 đứng xem. Khoảng 10 giờ 40 phút thì T1 chạy đến, N, T3 và T1 khiêng Dinamo lên xe của T1 và T1 chạy xe chở cái Dinamo đến chòi nuôi tôm của ông Nguyễn Văn H, ngụ ấp T, xã A cất giữ và mang tiền lại trả cho N 3.000.000 (ba triệu) đồng, sau khi lấy được tiền bán Dinamo thì N cho T3 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Lần thứ 11: ngày 01/7/2020 T1 điện thoại hỏi N mua cái máy dầu Diesel, loại máy D28 do Trung Quốc sản xuất để chạy chung với cái Dinamo vừa mua cho ông Nguyễn Văn H, N đồng ý bán cho T1 giá 2.500.000 đồng, T1 kêu N mượn người khiêng máy. Khoảng 17 giờ cùng ngày N đến quán ông ba H1 thì gặp Nguyễn Văn B (tên gọi khác: B), sinh năm 1983, nơi cư trú ấp C, thị trấn C và Trần Văn C (tên khác: Bí Th), sinh năm 1981, nơi cư trú ấp C, thị trấn C. N kêu B và C đi đến ao tôm khiêng máy phụ N và N cho tiền uống cà phê. Sau khi kêu B và C đồng ý đi khiêng máy thì N điện thoại kêu T1 lên ao tôm chở máy, T1 chạy xe lại quán ông Lê Thanh H1 thì T1 chở B, còn N chở C, tất cả đến ao tôm, khi đến ao tôm thì T1 có mở bulon phụ N lấy máy ra khỏi khung, mở xong thì N, T1, B và C khiêng máy D28 lên xe của T1 và T1 chở máy đến nhà của ông Nguyễn Văn H ở ấp T, xã A. T1 mang tiền đến khu vực quán nước của ông H1 trả cho N 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng, N trả tiền xe cho T1 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng và cho B, C mỗi người 100.000 (một trăm ngàn) đồng.

Đến ngày 02/7/2020 anh Huỳnh Văn L là con bà L, ông H đến chòi trông giữ tôm thì phát hiện tài sản bị mất, anh L về báo lại với bà L nên bà L đến cơ quan trình báo. Quá trình điều tra, xác định được bị cáo Huỳnh Văn N là người đã trộm cắp các tài sản của bà L, ông H.

Tại bản kết luận định giá số 09/2020/KL.HĐĐG ngày 22/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Cù Lao Dung, kết luận: tổng giá trị thiệt hại của vụ trộm cắp tài sản là 20.180.000 (hai mươi triệu, một trăm tám mươi ngàn) đồng. Tại bản kết luận định giá số 11/2020/KL.HĐĐG ngày 11/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Cù Lao Dung, kết luận: tổng giá trị thiệt hại của vụ trộm cắp tài sản là 570.000 (năm trăm bảy mươi ngàn) đồng.

Về vật chứng trong vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù

Lao Dung đã thu giữ: 01 (một) cây cờ lê (chìa khóa) bằng kim loại, số 17, một đầu miệng và một đầu tròn, tình trạng đã bị rỉ sét, đầu miệng bị biến dạng; 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 83H5 – 3148, loại xe Wave, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng; thu giữ của Nguyễn Tuấn E 01, (một) cái Motor, 01 pha, công suất 3HP; thu giữ của Lê Thanh H1, 04 (bốn) cái Motor, 01 pha, công suất 3HP; thu giữ của Võ Thị P, 01 (một) cái Dinamo phát điện, 01 pha, công suất 05KW; thu giữ của Chế Văn T, 01 (một) máy dầu Diesel, loại máy D9; thu giữ của Lê Văn T1, 01 (một) cái Dinamo phát điện, 01 pha, công suất 15KW; 01 (một) máy dầu Diesel, loại máy D28, 10 (mười) bộ khung quạt bằng nhựa.

Đối với Phạm Ngọc T2 đã mua của Huỳnh Văn N 02 (hai) cái máy dầu Diesel, nhãn hiệu Misumisi 85 và 04 (bốn) cái giảm tốc số, sau khi mua tài sản thì ông T2 đã bán cho người khác và không nhớ bán cho ai và ở đâu nên không thu giữ được.

Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tất cả những tài sản đã thu giữ được cho bị hại gồm: 01 Dinamo phát điện 01 pha, 15KW; 01 Dinamo phát điện 01 pha, 5KW; 04 cái Motor điện 01 pha, công suất 03HP; 01 cái máy chạy dầu Diesel, loại máy D28; 01 cái máy chạy dầu Diesel, loại máy D9; 10 bộ khung phao bằng nhựa; 01 cái Motor điện 01 pha, công suất 03HP. Bị hại bà L và ông H đã nhận lại đủ tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu bồi thường thêm.

Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Tuấn E yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 400.000 đồng; ông Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.500.000 đồng; ông Lê Thanh H1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.900.000 đồng; anh Chế Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 500.000 đồng; chị Võ Thị P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 1.000.000 đồng. Đối với anh Lê Văn V tại cơ quan điều tra anh Việt có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.050.000 đồng, tuy nhiên ngày 13/4/2021 anh Việt có nộp cho Tòa án đơn xin xét xử vắng mặt và nêu rõ không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.050.000 đồng. Bị hại bà Hồ Thị L và ông Huỳnh Văn H không yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản bị thiệt hại.

Đối với Nguyễn Tuấn E, Lê Thanh H1, Phạm Ngọc T2, Chế Văn T, Võ Thị P và Lê Văn T1 có mua Motor, Dinamo phát điện, máy dầu Diesel, giảm tốc số và khung phao quạt của Huỳnh Văn N, nhưng qua quá trình điều tra đã chứng minh được những người này không biết được các loại tài sản đó là do bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp mà có, do đó không đủ yếu tố cấu thành tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên không xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Thanh N1, Chế Thanh T3, Nguyễn Văn B và Trần Văn C là những người đã phụ khiêng máy, Dinamo theo yêu cầu của N. Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ đã chứng minh được những người này hoàn toàn không biết được số tài sản mà mình đã khiêng phụ N là tài sản mà N đã trộm cắp của người khác. Do đó hành vi của Nguyễn Thanh N1, Chế Thanh T3, Nguyễn

Văn B và Trần Văn C không có dấu hiệu đồng phạm nên không xử lý trách nhiệm hình sự.

Tại Cáo trạng số: 01/CT-VKS-CLD ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo Huỳnh Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung giữ nguyên quyết định truy tố về hành vi của bị cáo Huỳnh Văn N, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: xử buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Tuấn E số tiền 400.000 đồng, ông Nguyễn Văn H số tiền 5.500.000 đồng, ông Lê Thanh H1 số tiền 1.900.000 đồng, anh Chế Văn T số tiền là 500.000 đồng, chị Võ Thị P số tiền 1.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng của vụ án: đề nghị áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 (một) cây cờ lê (chìa khóa) bằng kim loại, số 17, một đầu miệng và một đầu tròn, tình trạng đã bị rỉ sét, đầu miệng bị biến dạng; trả lại cho anh Võ Đồng K 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 83H5 – 3148, loại xe Wave, không rõ nhãn hiệu.

Buộc bị cáo N phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị hại bà L: xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Ý kiến của bị cáo N: thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tuấn E, Chế Văn T, Nguyễn Văn H, Lê Văn V, Lê Thanh H1, Võ Thị P và người làm chứng Phạm Ngọc T2, Chế Thanh T3, Nguyễn Thanh N1, Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa bị cáo N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo cáo trạng đã nêu; bị cáo đã nhận được các kết luận định giá tài sản và không có ý kiến. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Nên đã có đủ cơ sở xác định: vào khoảng tháng 6 đến đầu tháng 7 năm 2020, bị cáo N đã nhiều lần (11 lần) lấy trộm tài sản của bà L, ông H đem bán, tổng số tiền thu được là 20.750.000 đồng, bị cáo đem tiêu xài cá nhân.

[4] Xét bị cáo là công dân Việt Nam, đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã cố ý lén lút lấy trộm tài sản hợp pháp của bà L, ông H đem bán để tiêu xài. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cáo trạng số: 01/CT-VKS-CLD ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung truy tố bị cáo theo tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang cho người dân và gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý trách nhiệm của bị cáo trước pháp luật. Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ hình sự cho bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo có một tình tiết tăng nặng phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, bị cáo có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nên cũng cần cân nhắc khi quyết định hình phạt.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện khai báo về các lần bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản chưa bị phát hiện, nên được xem xét tình tiết giảm nhẹ tự thú. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, bị cáo được xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Tại phiên tòa bị hại bà L và bị cáo cùng trình bày: vợ bị cáo chị Nguyễn Thị L đã thay bị cáo bồi thường cho bà L số tiền 21.800.000 đồng. Xét thiệt hại trong vụ án này tổng cộng là 20.750.000 đồng (nhỏ hơn số tiền bị hại được bồi thường), bị hại đã được nhận lại một phần tài sản bị mất trộm. Đáng lẽ

vợ bị cáo phải bồi thường cho Tuấn E, ông H, anh H1, anh T, chị Pha thì mới phù hợp. Hội đồng xét xử xét cần kiểm tra lời khai của bị hại và bị cáo về số tiền bồi thường 21.800.000 đồng, nên đã triệu tập chị Nguyễn Thị L tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa, chị L trình bày không trùng khớp với lời khai của bà L về thời gian trả tiền cho bà L; về nguồn gốc số tiền bồi thường chị L khai là bán vàng và vay tiền của người thân. Nhưng khi được hỏi vàng được bán ở tiệm vàng nào, vay tiền của ai, tên gì, ở đâu thì chị L không trả lời được và không biết. Do đó, Hội đồng xét xử xác định việc bị cáo, bà L trình bày đã nhận được tiền bồi thường 21.800.000 đồng của vợ bị cáo để bị báo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không có cơ sở để xem xét.

[9] Về hình phạt bổ sung: xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: bị hại Hồ Thị L, ông Huỳnh Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn V không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không đặt ra xem xét. Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho: anh Nguyễn Tuấn E số tiền 400.000 đồng, ông Nguyễn Văn H số tiền 5.500.000 đồng, ông Lê Thanh H1 số tiền 1.900.000 đồng, anh Chế Văn T số tiền 500.000 đồng, chị Võ Thị P số tiền 1.000.000 đồng.

[11] Về xử lý vật chứng: tịch thu, tiêu hủy đối với 01 (một) cây cờ lê (chìa khóa) bằng kim loại, số 17, một đầu miệng và một đầu tròn, tình trạng đã bị rỉ sét, đầu miệng bị biến dạng; trả lại cho anh Võ Đồng K 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 83H5 – 3148, loại xe Wave, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng.

[12] Về án phí: bị cáo là người bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 468, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo Huỳnh Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 3 năm 2021.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Huỳnh Văn N có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Tuấn E số tiền 400.000 (bốn trăm ngàn) đồng.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn N có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn H số tiền 5.500.000 (năm triệu năm trăm ngàn) đồng.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn N có trách nhiệm bồi thường cho ông Lê Thanh H1 số tiền 1.900.000 (một triệu chín trăm ngàn) đồng.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn N có trách nhiệm bồi thường cho anh Chế Văn T số tiền 500.000 (năm trăm ngàn) đồng.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn N có trách nhiệm bồi thường cho chị Võ Thị P số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải trả lãi cho người có quyền yêu cầu thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Tịch thu, tiêu hủy đối với 01 (một) cây cờ lê (chìa khóa) bằng kim loại, số 17, một đầu miệng và một đầu tròn, tình trạng đã bị rỉ sét, đầu miệng bị biến dạng.

Trả lại cho anh Võ Đồng K 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 83H5 - 3148, loại xe Wave, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng.

(Vật chứng nêu trên đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/01/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung).

5. Về án phí: buộc bị cáo Huỳnh Văn N phải nộp là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng và án phí hình sự sơ thẩm là 465.000 (bốn trăm sáu mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008

(được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- CAND huyện Cù Lao Dung;
- Cơ quan THAHS huyện Cù Lao Dung;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Ngoan